

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 9 - 2024
“V/v: Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Búp, bà Phạm Thị Thu Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Linh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Bằng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2024, về việc "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Ph, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Chị Ph có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Công Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn TL, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Anh Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Ph trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị Ph và anh Trương Công Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M ngày 15/08/2022. Việc kết hôn là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, áp lực kinh tế. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 01/2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay mâu thuẫn

vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung, vợ chồng chị Ph anh Đ có 01 con chung là Trương Ngọc Bích V sinh ngày 17/8/2022, hiện đang sống cùng chị Ph. Chị Ph yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Ph và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Ph làm nghề buôn bán tự do thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng. Anh Đ làm nghề thợ nhôm, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trương Công Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp văn bản và tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15,16 Điều 70 BLTTDS. Nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024; Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Ph:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn;

- Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trương Ngọc Bích V cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nguyên đơn 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: Cấp dưỡng hằng tháng.

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng.

- Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con” giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk theo quy định tại Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. HĐXX cần áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Bị đơn không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua lời trình bày và tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và kết quả xác minh tại địa phương, xác định được: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn đăng ký kết hôn ngày 15/08/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Cư M’Ta, huyện M’Đrăk là phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã không còn chung sống từ tháng 01/2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân.

Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn không chấp hành, không đến Tòa án để làm việc, bị đơn đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng là thực tế và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Con chung của nguyên đơn và bị đơn là Trương Ngọc Bích V sinh ngày 17/8/2022 (dưới 36 tháng tuổi), hiện đang sống cùng nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Nguyên đơn có khả năng lao động đáp ứng đầy đủ cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con sau khi vợ chồng ly hôn. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không thỏa thuận về mức

cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/tháng. Xét thấy, thu nhập bình quân của bị đơn không có căn cứ để xác định bị đơn có thu nhập bình quân trong thời gian 06 tháng gần nhất là 8.000.000đồng và cũng không có xác nhận của nơi bị đơn đang làm việc. HĐXX cần áp dụng Điều 116 luật HNGĐ, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024, áp dụng mức cấp dưỡng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú. Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng tại địa bàn huyện M'Đrak hiện nay là 3.450.000đồng. HĐXX cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về mức cấp dưỡng vượt quá quy định 2.000.000đồng, không có sơ sở để xem xét, HĐXX không chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí 300.000đồng về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 và Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Ph.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc Ph được ly hôn với anh Trương Công Đ.

- Về con chung:

+ Giao con chung Trương Ngọc Bích V sinh ngày 17/8/2022 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trương Công Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Phương 1.560.000đồng/tháng kể từ ngày 18/9/2024 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Ph về mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng.

3. Về án phí:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Ph phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Phương đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/000718 ngày 20/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrắk. Chị Ph đã nộp đủ.

- Bị đơn anh Trương Công Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện M'Đrắk;
- Dương sự;
- UBND xã CưM'Ta;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hải